

BỘ Y TẾ
Số: 03/1998/TT-BYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 3 năm 1998

THÔNG TƯ

Hướng dẫn tuyển sinh chuyên tu Đại học Y - Dược năm học 1998 - 1999.

Thực hiện kế hoạch Nhà nước về công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, năm học 1998 - 1999 Bộ Y tế tiếp tục chiêu sinh đào tạo hệ chuyên tu đại học Y - Dược.

Công tác chiêu sinh đào tạo hệ chuyên tu đại học Y - Dược năm nay nhằm thực hiện:

Nghị quyết số 37/CP ngày 20/6/1996 của Chính phủ về Định hướng chiến lược công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân từ nay đến năm 2000 và 2020.

Thực hiện Thông tư số 34/TT-ĐH ngày 25/9/1986 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học hệ chuyên tu tập trung.

Các quyết định và văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác tuyển sinh năm học 1998 - 1999.

Bộ Y tế ban hành Thông tư hướng dẫn tuyển sinh chuyên tu đại học Y - Dược năm học 1998 - 1999.

I. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

1. Lớp chuyên tu Bác sĩ đa khoa tuyển y tế cơ sở:

Đối tượng dự tuyển là Y sĩ cao đẳng (thời gian đào tạo 02 năm), Y sĩ trung học (thời gian đào tạo 03 năm), ưu tiên các y sĩ đang công tác trong biên chế của các trạm Y tế xã, phường hoặc cơ quan Y tế huyện, quận. Không tuyển sinh đối với các Y sĩ đang làm chức năng Y tá (điều dưỡng).

2. Lớp chuyên tu Bác sĩ Y học cổ truyền (YHCT):

Đối tượng dự tuyển là Y sĩ Cao đẳng YHCT (thời gian đào tạo 02 năm), Y sĩ Trung học YHCT hoặc Y sĩ định hướng YHCT (thời gian đào tạo 03 năm).

3. Lớp chuyên tu Dược sĩ Đại học:

Đối tượng dự tuyển là Dược sĩ trung học.

4. Lớp cử tuyển chuyên tu Bác sĩ:

Đối tượng dự tuyển là Y sĩ đang công tác ở trạm Y tế xã vùng cao (KV1-VC), vùng sâu (KV1-VS). Học viên cử tuyển được bồi dưỡng văn hoá 01 năm, nếu đạt yêu cầu sẽ được học tiếp chuyên tu Bác sĩ đa khoa tuyển Y tế cơ sở.

II. CÁC TRƯỜNG VÀ VÙNG TUYỂN SINH:

1. Phân hiệu Đại học Y Hải Phòng:

Lớp chuyên tu Bác sĩ đa khoa tuyển Y tế cơ sở:

Tuyển sinh ở các tỉnh: Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nội.

2. Trường Đại học Y Thái Bình:

2.1. Lớp chuyên tu Bác sĩ đa khoa tuyển Y tế cơ sở:

Tuyển sinh ở các tỉnh: Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hoá, Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam, Hà Tây, Hưng Yên, Thái Bình.

2.2. Lớp chuyên tu Bác sĩ Y học cổ truyền:

Tuyển sinh các tỉnh phía Bắc từ Hà Tĩnh trở ra.

3. Trường Đại học Y - Dược thành phố Hồ Chí Minh:

3.1. Lớp chuyên tu Bác sĩ đa khoa tuyển cơ sở:

Tuyển sinh ở các tỉnh: Bình Thuận, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh.

3.2. Lớp chuyên tu Bác sĩ Y học cổ truyền:

Tuyển sinh các tỉnh phía Nam từ Quảng Bình trở vào.

3.3. Lớp cử tuyển chuyên tu Bác sĩ

Tuyển sinh ở các xã vùng cao, vùng sâu, ở các tỉnh phía Nam từ Bình Thuận, Lâm Đồng trở vào.

3.4. Lớp chuyên tu Dược sĩ Đại học

Tuyển sinh ở các tỉnh phía Nam từ Quảng Bình trở vào.

4. Trường Đại học Dược Hà Nội:

Lớp chuyên tu Dược sĩ đại học: Tuyển sinh ở các tỉnh phía Bắc từ Hà Tĩnh trở ra.

5. Trường Đại học Y khoa Thái Nguyên (thuộc Đại học Thái Nguyên):

5.1. Lớp chuyên tu Bác sĩ đa khoa tuyển Y tế cơ sở:

Tuyển sinh ở các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình, Phú Thọ, Bắc Giang.

5.2. Lớp cử tuyển chuyên tu Bác sĩ:

Tuyển sinh ở các vùng cao, vùng sâu, thuộc các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra.

6. Trường Đại học Y Huế (thuộc Đại học Huế):

6.1. Lớp chuyên tu Bác sĩ đa khoa tuyển Y tế cơ sở:

Tuyển sinh tại các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Định, Khánh Hoà, Ninh Thuận.

6.2. Lớp cử tuyển chuyên tu Bác sĩ:

Tuyển sinh ở các xã vùng cao, vùng sâu thuộc vùng tuyển chuyên tu Bác sĩ tuyển Y tế cơ sở (mục 6.1) và các xã vùng cao, vùng sâu của các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk.

7. Khoa Y Tây Nguyên (thuộc Trường Đại học Tây Nguyên):

Lớp chuyên tu Bác sĩ đa khoa tuyển Y tế cơ sở:

Tuyển sinh ở các tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng.

8. Khoa Y Cần Thơ (thuộc Trường Đại học Cần Thơ):

Lớp chuyên tu Bác sĩ đa khoa tuyển Y tế cơ sở:

Tuyển sinh ở các tỉnh: Cà Mau, An Giang, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Kiên Giang, Cần Thơ.

9. Học Viện Quân Y:

Lớp chuyên tu Bác sĩ đa khoa tuyển cơ sở:

Đào tạo hợp đồng cho các tỉnh: Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình, Hà Tây.

Kinh phí đào tạo do các địa phương này chi trả theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Thí sinh là cán bộ y tế của các ngành, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn của tỉnh, thành phố nào dự thi vào các trường theo quy định vùng tuyển của tỉnh, thành phố đã nêu trên.

III. CÁC TIÊU CHUẨN TUYỂN SINH:

Đối tượng tham gia tuyển chọn cần phải có các tiêu chuẩn sau:

1. Tiêu chuẩn chính trị:

Lý lịch bản thân, gia đình rõ ràng; hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, phẩm chất đạo đức tốt, chấp hành các chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Những người đang trong thời gian thi hành kỷ luật (từ khiển trách trở lên) không được xét tuyển.

2. Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn và văn hoá:

2.1. Về chuyên môn:

Nếu là cán bộ trung học phải có bằng tốt nghiệp Y sĩ - Dược sĩ trung học. Thời gian đào tạo trung học Y - Dược không dưới 2,5 năm học tập trung (hệ chính quy) hoặc 2 năm (hệ chuyên tu tập trung). Bằng tốt nghiệp do Hiệu trưởng các trường Trung học Y - Dược cấp.

Nếu là Y sĩ cao đẳng phải có bằng tốt nghiệp do Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế, Trường Trung học Y học cổ truyền Tuệ Tĩnh I - Bộ Y tế cấp.

2.2. Về văn hoá:

Phải có trình độ văn hoá phổ thông trung học hay bổ túc văn hoá tương đương.

3. Tiêu chuẩn về thâm niên chuyên môn:

Phải có đủ thâm niên là 5 năm.

Riêng Y sĩ đang công tác và thuộc biên chế tại các trạm Y tế xã vùng cao, vùng sâu, thì thâm niên chuyên môn là 3 năm.

Thâm niên chuyên môn tính từ ngày nhận công tác (sau khi tốt nghiệp trung học Y - Dược) đến ngày 30/10/1998.

4. Tiêu chuẩn sức khoẻ và tuổi:

4.1. Về sức khoẻ:

Phải có đủ sức khoẻ để học tập như quy định tại Thông tư liên Bộ Y tế - Đại học trung học chuyên nghiệp và dạy nghề số 10/TT-LB ngày 18/8/1989 và Công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/5/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.2. Về tuổi:

Không quá 50 tuổi đối với nam và 45 tuổi đối với nữ, tính đến ngày 30/10/1998.

5. Chế độ sinh hoạt phí và học phí: